

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2019/DS-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triền
2. Bà Mai Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đặng Thị L, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ 11, ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Trần Văn Xuân, sinh năm 1984 (vắng mặt)

2.2. Đoàn Thị Nhu, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 12, ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày: Vào ngày 15/9/2017 Âm lịch, bà Đặng Thị L làm chủ khai một dây hụi 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng/tháng), gồm 18 phần, anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh có tham gia một phần. Dây hụi khai lần đầu thì anh X và chị Nh hốt (ngày 15/9/2017 Âm lịch) được số tiền là 60.400.000đ (Sáu mươi triệu bốn trăm

ngàn đồng). Anh X và chị Nh đóng hui chết được ba lần là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thì ngưng không tiếp tục đóng hui chết cho bà L, bà L phải thay anh X và chị Nh đóng hui chết để bù tiền giao hui cho những người khác. Đến tháng 01/2018 Âm lịch vợ chồng anh X, chị Nh tránh mặt và không đóng 14 lần hui chết với tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) còn lại cho bà L. Do đó, bà L yêu cầu vợ chồng anh X và chị Nh phải trả lại cho bà L số tiền hui còn nợ là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh nhưng anh X và chị Nh đều vắng mặt đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi cán bộ Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

* Tại phiên tòa,

- Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh X và chị Nh liên đới trả cho bà số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

- Bị đơn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh X và chị Nh liên đới trả cho bà L số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Xét về hình thức giao dịch dân sự giữa bà Đặng Thị L và anh Trần Văn X, chị Đoàn Thị Nh là hợp đồng góp hui quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bà L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh hiện có đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 *Về sự có mặt của đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Thời điểm bà L và anh X, chị Nh xác lập và thực hiện giao dịch hụi trước ngày 05/4/2019 nên Hội đồng xét xử áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường để giải quyết. Theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định 144/2006/NĐ-CP thì giao dịch hụi giữa bà L và anh X, chị Nh thể hiện bằng lời nói và có nội dung thỏa thuận về hụi không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét.

Bà L trình bày anh X và chị Nh sau khi hốt hụi chỉ đóng được 3 lần hụi chết và còn nợ lại 14 lần hụi với tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh X và chị Nh, nhưng anh X và chị Nh không đến theo triệu tập của Tòa án, như vậy anh chị đã từ bỏ quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh chị.

Hội đồng xét xử nhận thấy, khi khai hụi, giữa bà L và anh X, chị Nh lập sổ hụi không đầy đủ nội dung như chữ ký và điểm chỉ của các thành viên khi góp hụi và lãnh hụi. Tuy nhiên, tại các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như: lời trình bày của bà Nguyễn Thị L1 (ghi sổ hụi là chị 2 L1) xác nhận: “*Tôi có tham gia chơi chung chân hụi năm triệu với Trần Văn X và Đoàn Thị Nh, X và Nh hốt đầu; Hụi mở ngày 15/9/2017 Âm lịch, do bà Đặng Thị L làm chủ, chân hụi gồm có 18 phần*”, bà Hồ Thị Hồng C và ông Trịnh Khánh Q (ghi sổ hụi là chị 5 Q) xác nhận: “*Vợ chồng tôi có tham gia chơi chung chân hụi năm triệu với Trần Văn X và Đoàn Thị Nh, X và Nh hốt đầu; Hụi mở ngày 15/9/2017 Âm lịch, do bà Đặng Thị L làm chủ, đầu hụi gồm có 18 người*”; tại các biên bản xác minh của Tòa án, bà Cao Thị L2 (ghi sổ hụi tên anh B), bà Nguyễn Thị Th (ghi sổ hụi tên T máy cắt), bà Nguyễn Thị L1 (ghi sổ hụi là chị 2 L1) xác nhận: Dây hụi 5.000.000đ/tháng mở ngày 15/9/2017 Âm lịch, vợ chồng anh X, chị Nh có tham gia 01 phần. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định được anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh có tham gia 01 phần trong dây hụi 5.000.000đ/tháng, khai ngày 15/9/2017 Âm lịch, dây hụi gồm 18 phần do bà Đặng Thị L làm chủ hụi, giao dịch hụi giữa bà L và anh X, chị Nh là hụi có lãi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP. Anh X và chị Nh đã hốt đầu với số tiền là 60.400.000đ (Sáu mươi triệu bốn trăm ngàn đồng), còn nợ lại bà L 14 lần hụi chưa đóng là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), như vậy anh X và chị Nh đã vi phạm nghĩa vụ của người tham gia hụi và làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà L. Do đó, căn cứ vào Điều 17, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, buộc anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh phải trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Đối với phần lãi do chậm trả nợ hui (bà L đã góp thay), do bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $70.000.000đ \times 5\% = 3.500.000đ$ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

[4] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 17, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L. Buộc anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị L số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Bà Đặng Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-10-2019). Anh Trần Văn X và chị Đoàn Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Giao